

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 28-7-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Như Thủy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Tạ Kỳ Trung;

Ông Bùi Văn Thái.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2022/TLST-HNGĐ ngày 29-6-2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Ngọc A, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp TA, xã TM, huyện DM tỉnh TN - có mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1986; địa chỉ: khu phố AL, phường AH, thị xã TB, tỉnh TN - vắng mặt có đơn xin.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Ngọc A trình bày:*

Chị và anh B chung sống với nhau năm 2020, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu vào năm 2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng cha mẹ chị ấp TA, xã TM, huyện DM tỉnh TN sống đến nay. Vợ chồng chị chung sống đến tháng 7-2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B không lo lắng cho vợ, bỏ bê gia đình, chị khuyên can nhiều lần nhưng không được. Đến tháng 7-2021 anh B bỏ về nhà mẹ ruột sống đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung và hiện chị cũng không

mang thai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày thể hiện trong hồ sơ:*

Anh thống nhất lời trình bày của chị A về ngày tháng chung sống, kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung và thời gian ly thân là đúng. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh xảy ra mâu thuẫn với gia đình vợ, sau đó vợ chồng ly thân từ tháng 3-2021 khi anh về Trảng Bàng sống đến nay. Sau khi ly thân anh có nói chuyện hòa giải nhưng chị A không đồng ý; cha mẹ hai bên không có hòa giải cho vợ chồng.

Nay anh đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:*

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ A giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B .
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: không có, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: bị đơn anh B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị A và anh B tự chung sống từ năm 2020, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh (nay là xã Phước Bình), thị xã Trảng Bàng vào ngày 19-11-2020. Vợ chồng chung sống đến tháng 7-2021 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị A cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau; anh B không quan tâm chăm lo cho gia đình. Anh B trình bày rằng do anh xảy ra mâu thuẫn với gia đình vợ, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau. Nay cả chị A và anh B đều có yêu cầu được ly hôn. Từ đây, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Nay chị A yêu cầu ly hôn với anh B, nhận thấy có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: chị A, anh B trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản, nợ chung: chị A, anh B không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản A và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Ngô Thị Ngọc A đối với anh Nguyễn Văn B. Chị Ngô Thị Ngọc A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B .

2. Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị A đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026686 ngày 28-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.(Chị A đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu ;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Hà Như Thủy**

